

Bản án số: 57/2021/HSST.

Ngày: 30/6/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Kim Ngân.

Ông Hà Danh Vượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện VKSND huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Bùi Đức Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở TAND huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2021/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

ĐTV, sinh năm: 1999, tại Bà Rịa – Vũng Tàu – (Có mặt). Hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa. Nghề nghiệp: Không. Học vấn: 6/12. Tiền án: Không. Tiền sự: 02.

+ Ngày 07/06/2018 bị TAND huyện XM áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Quyết định số: 45/2018/QĐ-TA ngày 07/6/2018.

+ Ngày 06/11/2019 bị Công an xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 750.000Đ (Bảy trăm năm mươi ngàn) về hành vi: “ Sử dụng trái phép chất ma túy ”. Quyết định số: 04/QĐ-XLVPHC ngày 06/11/2019. Bắt ngày: 03/02/2021. Họ tên cha: ĐVT, sinh năm: 1966. Họ tên mẹ: ĐKP, sinh năm: 1971.

Người bị hại:

1. *PHL*, sinh năm: 1984 – (Vắng mặt) và *PTKH*, sinh năm: 1985 – (Vắng mặt). Hộ khẩu thường trú: 1/26A, ấp BK, xã LTN, huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

2. *ĐVT*, sinh năm: 1966 – (Có mặt) và *ĐKP*, sinh năm: 1971 – (Có mặt). Hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. *NTBN*, sinh năm: 1970 – (Vắng mặt). Hộ khẩu thường trú: Ấp NN, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *TTTM*, sinh năm: 1982 – (Vắng mặt). Hộ khẩu thường trú: Ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. *PTH*, sinh năm: 1959 – (Có mặt). Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, Ấp 4, xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03h00 ngày 25/9/2020 V đột nhập nhà ông PTH ở ấp 4, xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Lấy 01 móc quần áo bẻ thẳng, uốn cong hai đầu, kéo quần Jean của anh L treo trong phòng ngủ ra cửa sổ, rồi trộm cắp của anh L, chị H 3.000.000Đ (Ba triệu), 04 nhẫn vàng (01 nhẫn vàng 24K; 03 nhẫn vàng 18K) và 01 sợi dây chuyền vàng 18K, được đựng trong bóp da, để ở túi quần Jean. Sau khi lấy tài sản xong V để móc, bóp, quần tại nhà ông H. Sau khi trộm cắp tài sản, V đến tiệm vàng “ MK ” của bà M ở ấp NT, xã XM, huyện XM bán 01 sợi dây chuyền vàng 18K (01 chỉ 05 phân); 01 nhẫn vàng 18K (07 phân 09 ly) cho bà M lấy 6.000.000Đ (Sáu triệu). Sau đó V đến tiệm vàng “ CT ” của bà N ở chợ XM thuộc ấp NN, xã XM, huyện XM bán cho bà N 02 nhẫn vàng 18K (04 phân) lấy 1.200.000Đ (Một triệu hai trăm ngàn). Ngày 27/9/2020, V đến tiệm vàng (không rõ địa chỉ) tại TP Bà Rịa bán nhẫn vàng 24K (02 chỉ 23 ly) lấy 10.000.000Đ (Mười triệu). Số tiền bán vàng và số tiền trộm cắp có được, V tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 21h00 ngày 08/10/2020 V về nhà ở ấp 4, xã BR, huyện XM vào phòng ngủ của vợ chồng ông T và mở két sắt tìm tài sản nhưng không có. V lấy chìa khoá xe ô tô để ở két sắt cất trong người, đến khoảng 23h00 cùng ngày V mở cửa xe ô tô và trộm cắp của ông T 7.500.000Đ (Bảy triệu năm trăm ngàn) đựng trong 01 ví da màu đen, để ở hộc cửa bên trái xe ô tô. Lấy tiền xong V để ví da lại vị trí cũ, khoá cửa xe ô tô, bỏ chìa khoá xe tại phòng khách. Số tiền trộm cắp được, V tiêu xài cá nhân hết.

Tại cơ quan điều tra, V đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐG ngày 14/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ án 01 sợi dây chuyền vàng 18K trị giá 6.020.000Đ (Sáu triệu không trăm hai mươi ngàn); 01 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ 23 ly trị giá 11.886.000Đ (Mười một triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn); 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 07 phân chín ly trị giá 3.183.000Đ (Ba triệu một trăm tám mươi ba ngàn); 02 chiếc nhẫn cưới vàng 18K, trọng lượng 04 phân trị giá 1.618.000Đ (Một triệu sáu trăm mười tám ngàn) và 3.000.000Đ (Ba triệu). Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 25.707.000Đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn).

Vật chứng thu giữ và xử lý: 01 (Một) đoạn dây kim loại nhôm được bẻ cong hai đầu có chiều dài 75cm hiện đã chuyển Chi cục Thi hành án Dân sự chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông T, bà P không yêu cầu V bồi thường. Anh L, chị H yêu cầu V bồi thường 25.707.000Đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn). Bị can đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Cáo trạng số: 37/CT-VKS ngày 28/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM đã truy tố bị cáo ĐTV về tội: “ Trộm cắp tài sản ” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như đã khai báo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã nêu, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đồng ý bồi cho anh L, chị H 25.707.000Đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn).

Ông T, bà P không yêu cầu bị cáo bồi thường mà cho bị cáo số tiền bị cáo đã trộm cắp của ông bà, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Anh L, chị H yêu cầu bị cáo bồi thường 25.707.000Đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn). Ông H không yêu cầu nhận lại đoạn dây kim loại nhôm. Bà N, bà M không có ý kiến, yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã nêu, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo: ĐTV phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ”.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 20 tháng tù đến 26 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo bồi thường cho anh L, chị H 25.707.000Đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn).

Vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu huỷ 01 (Một) đoạn dây kim loại nhôm được bẻ cong hai đầu có chiều dài 75cm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Vào ngày 25/9/2020 V đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh L, chị H với trị giá tài sản là 25.707.000Đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn). Ngày 08/10/2020 V lén lút chiếm đoạt của ông T, bà P 7.500.000Đ (Bảy triệu năm trăm ngàn).

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Phù hợp với bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 14/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: ngày 25/9/2020 V đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh L, chị H 3.000.000Đ (Ba triệu), 04 nhẫn vàng và 01 sợi dây chuyền vàng 18K. Trị giá tài sản mà V chiếm đoạt của anh L, chị H là 25.707.000Đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn). Ngày 08/10/2020 V lén lút chiếm đoạt của ông T, bà P 7.500.000Đ (Bảy triệu năm trăm ngàn).

Tổng cộng giá trị mà V lén lút chiếm đoạt của anh L, chị H và của ông T, bà P là: 33.207.000Đ (Ba mươi ba triệu hai trăm linh bảy ngàn).

Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ nhận thức về xã hội, ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nhưng lười lao động nên bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt bình thường của người khác, gây ra sự hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xử lý hành chính nhưng

không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần xử nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cũng xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Xét hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của anh L, chị H không thu hồi được, nên việc anh L, chị H yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh L, chị H giá trị tài sản bị chiếm đoạt 25.707.000Đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn) là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bị cáo bồi thường cho anh L, chị H 25.707.000Đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn). Ông T, bà P cho bị cáo số tiền bị cáo đã trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên xem như xong, HĐXX không xem xét.

[4] Về vật chứng: 01 (Một) đoạn dây kim loại nhôm được bẻ cong hai đầu có chiều dài 75cm, là tài sản của ông H nhưng ông H không yêu cầu nhận lại. Không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

Còn bà N, bà M khi mua tài sản không biết đó là tài sản do V phạm tội mà có nên không xem xét, xử lý đối với bà N, bà M là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **ĐTV** phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ”.

[1] Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **ĐTV: 20 (Hai mươi) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2021.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[2] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo ĐTV bồi thường cho anh PHL, chị PTKH 25.707.000Đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu huỷ 01 (Một) đoạn dây kim loại nhôm được bẻ cong hai đầu có chiều dài 75cm.

(*Vật chứng được quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 56/BB ngày 29/4/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện XM*).

[4] Về án phí: Bị cáo ĐTV phải nộp 200.000Đ (Hai trăm ngàn) án phí HSST và 1.285.000Đ (Một triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn) án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7A,7B và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nơi nhận.

- TAND tỉnh BR – VT.
- Sở TP tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- CA huyện XM.
- PC 06.
- PV 10.
- Chi cục THADS huyện XM.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn

